

**DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN V.K**

Địa chỉ: 170 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận, Thành phố

Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 38720177

## **HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ**

**Tên sản phẩm:**

**TÚI CHIẾT RƯỢU VANG HIỆU  
SMURFIT WESTROCK**

**Số TCB: 02/V.K/2025**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 02/V.K/2025

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN V.K**

Địa chỉ: 179 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 38720177

Fax:

Mã số doanh nghiệp: 0302071487

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: *(Sản phẩm tiếp xúc trực tiếp thực phẩm nhập khẩu không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định).*

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **TÚI CHIẾT RƯỢU VANG HIỆU SMURFIT WESTROCK**

2. Thành phần: Thành phần: Thân túi (lớp trong tiếp xúc thực phẩm): nhựa Polyethylen (PE), vòi túi: nhựa Polypropylen (PP) và nhựa Elastomer (Elast).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không quy định.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 400 cái/ thùng; 500 cái/thùng. Thông số kỹ thuật:

+ Dung tích: 2 lít. Kích thước: 320 x 200 mm.

+ Dung tích: 3 lít. Kích thước: 320 x 245 mm.

+ Dung tích: 3 lít. Kích thước: 370 x 200 mm.

+ Dung tích: 5 lít. Kích thước: 380 x 295 mm.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi nhựa PP, bên ngoài là thùng carton.

Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Tây Ban Nha.

- Nhà sản xuất: Plásticos Vicent S.L.U

- Địa chỉ: Avda. Irlanda, 10 - Parque Tecnológico Ciudad del Juguete 03440 IBI (Alicante), Spain.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**



Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: **QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.**

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIAM ĐỐC  
VŨ ĐỖ KHANG**





## NHÂN PHỤ

**Tên sản phẩm: TÚI CHIẾT RƯỢU VANG HIỆU SMURFIT WESTROCK**

**Thành phần:** Thân túi (lớp trong tiếp xúc thực phẩm): nhựa Polyethylen (PE), vòitúi: nhựa Polypropylen (PP) và nhựa Elastomer (Elast).

**Quy cách đóng gói:** 400 cái/thùng.

**Thông số kỹ thuật:** Dung tích: 5 lít. Kích thước: 380 x 295 mm.

**Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để chứa đựng rượu vang.

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha.

**Tổ chức chịu trách nhiệm về hàng hóa:**

**Nhà sản xuất:** Plásticos Vicent S.L.U

Địa chỉ: Avda. Irlanda, 10 - Parque Tecnológico Ciudad del Juguete 03440 IBI (Alicante), Spain.

Tel: +34 96 655 03 92

Fax: +34 96 655 04 15

**Nhà nhập khẩu và phân phối:** DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN V.K

Địa chỉ: 179 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 38720177

**Thông tin cảnh báo:** Không đặt nơi có nhiệt độ cao.

**Số TCB:** 02/V.K/2025



## NHÃN PHỤ

**Tên sản phẩm:** TÚI CHIẾT RƯỢU VANG HIỆU SMURFIT WESTROCK

**Thành phần:** Thân túi (lớp trong tiếp xúc thực phẩm): nhựa Polyethylen (PE), vôi túi: nhựa Polypropylen (PP) và nhựa Elastomer (Elast).

**Quy cách đóng gói:** 400 cái/thùng.

**Thông số kỹ thuật:** Dung tích: 3 lít. Kích thước: 370 x 200 mm.

**Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để chứa đựng rượu vang.

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha.

**Tổ chức chịu trách nhiệm về hàng hóa:**

**Nhà sản xuất:** Plásticos Vicent S.L.U

Địa chỉ: Avda. Irlanda, 10 - Parque Tecnológico Ciudad del Jugete 03440 IBI (Alicante), Spain.

Tel: +34 96 655 03 92

Fax: +34 96 655 04 15

**Nhà nhập khẩu và phân phối:** DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN V.K

Địa chỉ: 179 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 38720177

**Thông tin cảnh báo:** Không đặt nơi có nhiệt độ cao.

**Số TCB:** 02/V.K/2025



## NHÂN PHỤ

**Tên sản phẩm:** TÚI CHIẾT RƯỢU VANG HIỆU SMURFIT WESTROCK

**Thành phần:** Thân túi (lớp trong tiếp xúc thực phẩm): nhựa Polyethylen (PE), vôi túi: nhựa Polypropylen (PP) và nhựa Elastomer (Elast).

**Quy cách đóng gói:** 500 cái/thùng.

**Thông số kỹ thuật:** Dung tích: 3 lít. Kích thước: 320 x 245 mm.

**Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để chứa đựng rượu vang.

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha.

**Tổ chức chịu trách nhiệm về hàng hóa:**

**Nhà sản xuất:** Plásticos Vicent S.L.U

Địa chỉ: Avda. Irlanda, 10 - Parque Tecnológico Ciudad del Juguete 03440 IBI (Alicante), Spain.

Tel: +34 96 655 03 92

Fax: +34 96 655 04 15

**Nhà nhập khẩu và phân phối:** DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN V.K

Địa chỉ: 179 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 38720177

**Thông tin cảnh báo:** Không đặt nơi có nhiệt độ cao.

**Số TCB:** 02/V.K/2025



## NHÂN PHỤ

**Tên sản phẩm: TÚI CHIẾT RƯỢU VANG HIỆU SMURFIT WESTROCK**

**Thành phần:** Thân túi (lớp trong tiếp xúc thực phẩm): nhựa Polyethylen (PE), vôi túi: nhựa Polypropylen (PP) và nhựa Elastomer (Elast).

**Quy cách đóng gói: 500 cái/thùng.**

**Thông số kỹ thuật:** Dung tích: 2 lít. Kích thước: 320 x 200 mm.

**Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để chứa đựng rượu vang.

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha.

**Tổ chức chịu trách nhiệm về hàng hóa:**

**Nhà sản xuất:** Plásticos Vicent S.L.U

Dia chi: Avda. Irlanda, 10 - Parque Tecnológico Ciudad del Juguete 03440 IBI (Alicante), Spain.

Tel: +34 96 655 03 92

Fax: +34 96 655 04 15

**Nhà nhập khẩu và phân phối:** DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN V.K

Địa chỉ: 179 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 38720177

**Thông tin cảnh báo:** Không đặt nơi có nhiệt độ cao.

**Số TCB: 02/V.K/2025**

## BẢNG THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

| DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN V.K                                                                                                                            | TÊN SẢN PHẨM                                    | Số tự công bố<br>02/V.K/2025               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Địa chỉ: 179 Huỳnh Tấn Phát,<br>Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ<br>Chí Minh, Việt Nam.<br>Điện thoại: 028 38720177<br>Mã số doanh nghiệp: 0302071487 | TÚI CHIẾT RƯỢU VANG<br>HIỆU SMURFIT<br>WESTROCK | Có hiệu lực từ ngày xác<br>nhận tự công bố |

### I. YÊU CẦU KỸ THUẬT

#### 1.1 Chỉ tiêu cảm quan:

| STT | Chỉ Tiêu   | Yêu cầu                                                                                 |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ngoại quan | Túi có vòi chiết                                                                        |
| 2   | Màu sắc    | Thân túi: lớp ngoài màu bạc, lớp trong tiếp xúc thực phẩm trong suốt. Vòi: màu trắng/đỏ |

**1.2 Chỉ tiêu an toàn phần nhựa PP/PE: (QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm)**

| STT | Chỉ Tiêu                                                                                     | Đơn Vị | Giới Hạn Tối Đa |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------------|
| 1   | Hàm lượng Pb                                                                                 | µg/g   | 100             |
| 2   | Hàm lượng Cd                                                                                 | µg/g   | 100             |
| 3   | Hàm lượng KMnO4 sử dụng, thời nhiễm trong nước cất, 60°C, 30 phút                            | µg/ml  | 1               |
| 4   | Hàm lượng kim loại nặng (quy ra chì) sử dụng, thời nhiễm trong acid acetic 4%, 60°C, 30 phút | µg/ml  | 10              |
| 5   | Hàm lượng cặn khô thời nhiễm trong Heptan, 25°C, 1 giờ                                       | µg/ml  | 30              |
| 6   | Hàm lượng cặn khô thời nhiễm trong Ethanol 20%, 60°C, 30 phút                                | µg/ml  | 30              |
| 7   | Hàm lượng cặn khô thời nhiễm trong nước, 60°C, 30 phút                                       | µg/ml  | 30              |
| 8   | Hàm lượng cặn khô thời nhiễm trong Axit acetic 4%, 60°C, 30 phút                             | µg/ml  | 30              |

**1.3 Chỉ tiêu an toàn phần nhựa Elastomer (Elast): (QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm)**

| STT | Chỉ Tiêu                                                                                     | Đơn Vị | Giới Hạn Tối Đa |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------------|
| 1   | Hàm lượng Pb                                                                                 | µg/g   | 100             |
| 2   | Hàm lượng Cd                                                                                 | µg/g   | 100             |
| 3   | Hàm lượng KMnO4 sử dụng, thời nhiễm trong nước cất, 60°C, 30 phút                            | µg/ml  | 1               |
| 4   | Hàm lượng kim loại nặng (quy ra chì) sử dụng, thời nhiễm trong acid acetic 4%, 60°C, 30 phút | µg/ml  | 10              |

## II. THÔNG TIN SẢN PHẨM

**1. Thành phần:** Thân túi (lớp trong tiếp xúc thực phẩm): nhựa Polyethylen (PE), vôi túi: nhựa Polypropylen (PP) và nhựa Elastomer (Elast).

**2. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Quy cách đóng gói: 400 cái/ thùng; 500 cái/thùng. Thông số kỹ thuật:

- + Dung tích: 2 lít. Kích thước: 320 x 200 mm.
- + Dung tích: 3 lít. Kích thước: 320 x 245 mm.
- + Dung tích: 3 lít. Kích thước: 370 x 200 mm.
- + Dung tích: 5 lít. Kích thước: 380 x 295 mm.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi nhựa PP, bên ngoài là thùng carton. Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

**3. Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để chứa đựng rượu vang.

**4. Thời hạn sử dụng:** Không quy định.

**5. Thông tin cảnh báo:** Không đặt nơi có nhiệt độ cao.

**6. Xuất xứ:** Tây Ban Nha.

**7. Tổ chức chịu trách nhiệm về hàng hóa:**

**Nhà sản xuất:** Plásticos Vicent S.L.U

Địa chỉ: Avda. Irlanda, 10 - Parque Tecnológico Ciudad del Juguete 03440 IBI (Alicante), Spain.

**Nhà nhập khẩu và phân phối:** DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN V.K

Địa chỉ: 179 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 38720177

Fax: 028 38725950

Số tự công bố: 02/V.K/2025

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

**ĐẠI DIỆN CÁ NHÂN, TỔ CHỨC**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIAM ĐỐC**  
**VŨ ĐỖ KHANG**

**NHÃN SẢN PHẨM**

**BẢN DỊCH**  
**TRANSLATION**

Số lượng được đảm bảo cho đến khi vật liệu đóng gói bị hỏng

(Logo) Smurfit Westrock  
Túi – trong – Hộp

Nhà máy:

Điện thoại: +34 96 655 03 92

Fax: +34 96 655 04 15

Avda. Irianda, 10

Parq. Tecn. Ciudad del Juguete

ES – 03440 - IBI

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2025

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN V.K

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(đã ký và đóng dấu)

Giám đốc

Vũ Đỗ Khang



*Handwritten signature*

Tôi, Nguyễn Thị Mai Hiền, CCCD số: 001300010089 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Anh sang tiếng Việt**.

Ngày 08 tháng 07 năm 2025

**Người dịch**



**Nguyễn Thị Mai Hiền**

Ngày 08 tháng 07 năm 2025 (Ngày mùng tám, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Nguyễn Đức Tuấn* là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

**CHỨNG THỰC**

- Bà Nguyễn Thị Mai Hiền, là người đã ký vào bản dịch này.

**Số chứng thực: 3975    Quyền số: 01 /2025 - SCT/CKND**

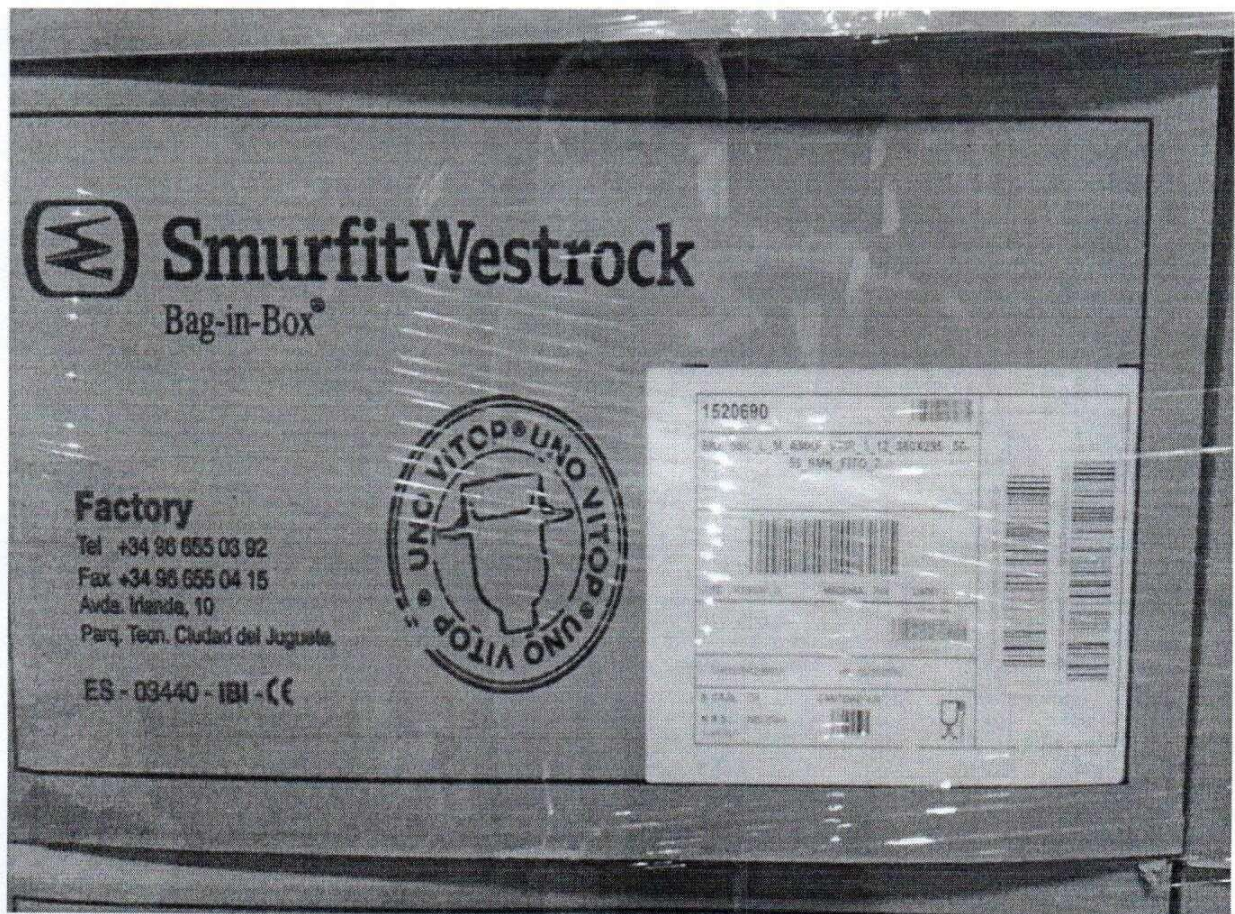
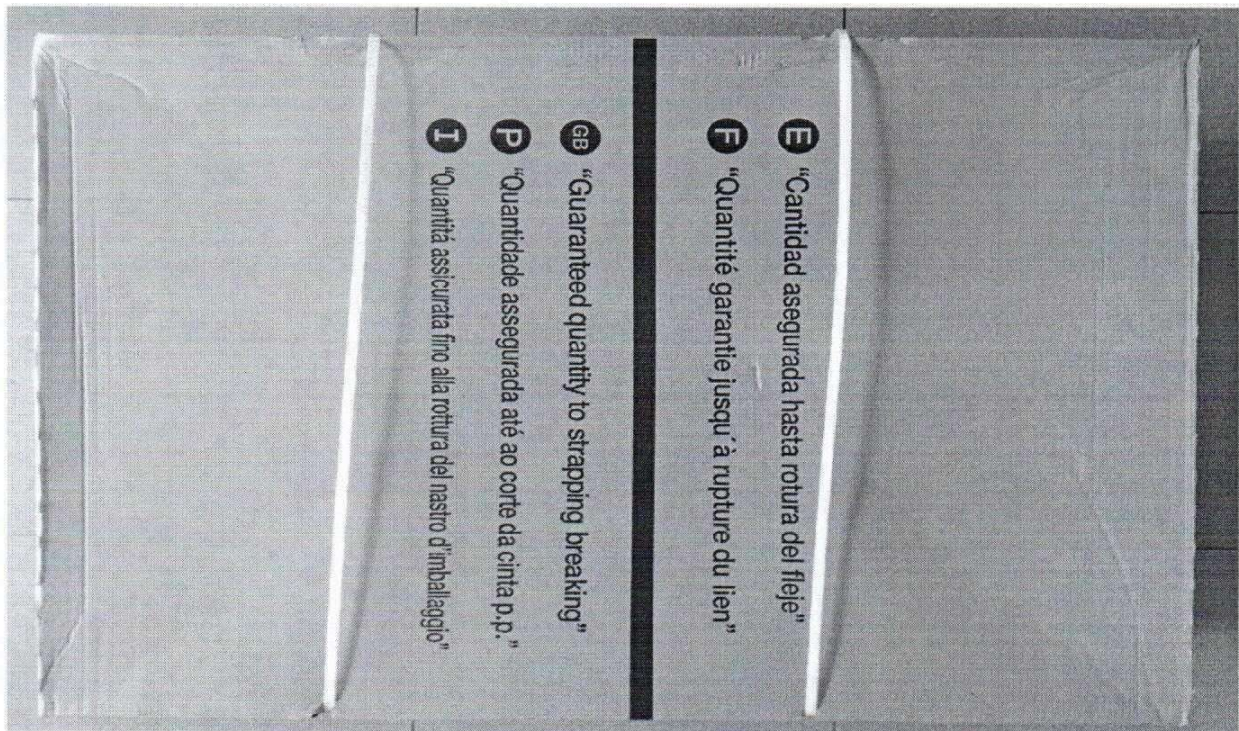
Ngày 08 tháng 07 năm 2025

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



*Nguyễn Đức Tuấn*

## NHÂN SẢN PHẨM



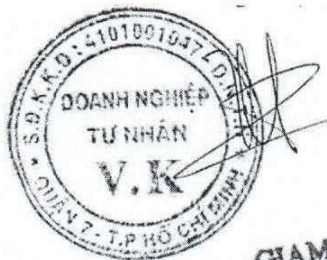
|                                                                                   |                                                                                     |                                                                                                                    |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 1412640                                                                           |                                                                                     |                                   |  |
| C_10SCAWB_L_M_AML_NBV_1_6_520X370<br>_70_P2_SMK_250                               |                                                                                     |                                                                                                                    |  |
|  |                                                                                     |                                                                                                                    |  |
| LOTE: 7777271131                                                                  | MÁQUINA: PV1                                                                        | LADO: B                                                                                                            |  |
|                                                                                   |                                                                                     | USO INTERNO SMK<br><br>7777271131 |  |
| 18435354503614                                                                    | FF- 17/10/2022                                                                      |                                                                                                                    |  |
| N. CAJA: 131                                                                      | CANTIDAD 250                                                                        |                                 |  |
| N. R.S. : 3902208/A                                                               |  |                                                                                                                    |  |
| P_DPR_54_10                                                                       |                                                                                     |                                                                                                                    |  |

(00)384353545011755971(10)7777271131  
(02)18435354503614(11)221017(37)250

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIAM ĐỐC**

**VŨ ĐỖ KHANG**

Test Report No.VNT/F25/0919200  
Dated 15/09/2025  
**Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F25/0919200**  
Ngày 15/09/2025



Add value.  
Inspire trust.

**Note:** This report is issued subject to the Testing and Certification, Validation and Verification Regulations of the TÜV SÜD Group and the General Terms and Conditions of Business of TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. In addition, this report is governed by the terms set out within this report.

**Lưu ý:** Báo cáo này được phát hành tuân theo Quy định về Chứng nhận và Thử nghiệm, Xác minh và Xác nhận của Tập đoàn TÜV SÜD cũng như Điều khoản và Điều kiện Kinh doanh Chung của Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam. Ngoài ra, báo cáo này chịu sự điều chỉnh của các điều khoản được nêu trong báo cáo.

**Applicant**  
Tên khách hàng : **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN V.K**  
179 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Attention**  
Người liên hệ : Ms. Khánh

**Date of receiving**  
Ngày nhận mẫu : 08/09/2025 (17:00)

**Temperature of sample as received**  
Nhiệt độ bề mặt của mẫu khi nhận : Room temperature  
Nhiệt độ phòng

**State of sample as received**  
Mô tả tình trạng mẫu khi nhận : Sample intact in plastic bag  
Mẫu nguyên vẹn trong túi nhựa

**Test Period**  
Thời gian thử nghiệm : 09/09/2025 – 15/09/2025

**Sample Description**  
Mô tả mẫu : TÚI CHIẾT RƯỢU VANG HIỆU SMURFIT WESTROCK



Note: The submitted samples were not taken by laboratory/ Mẫu gửi không được lấy bởi Phòng thử nghiệm  
The information was provided by client/ Thông tin được cung cấp bởi khách hàng  
Sample storage period 1 week after issuing the test report/ Thời gian lưu mẫu 1 tuần sau khi phát hành báo cáo thử nghiệm  
This testing result is only valid on the tested sample/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử



VILAS 487

Laboratory:  
TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd.  
Lot III-26, Street 19/5A, Industry  
Group III, Tân Bình I.P, Tây Thạnh  
Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone :+ 84-28-62678506  
Fax : +84-28-62678511  
E-Mail: info.vn@tuvsud.com  
<https://www.tuvsud.com/vi-vn>

The results reported herein have been performed in accordance with the terms of accreditation under the Vietnam Bureau of Accreditation. Tests marked (\*) "Not Accredited" in this Report are not included in the BoA Accreditation Schedule for our laboratory.

Các kết quả được báo cáo ở đây đã được thực hiện theo các điều khoản công nhận của Văn phòng Công nhận Việt Nam. Các chỉ tiêu được đánh dấu (\*) là "Chưa được Công nhận" trong Báo cáo này chưa có trong danh mục công nhận của BoA cho phòng thí nghiệm.

Regional Head Office:  
TÜV SÜD Asia Pacific Pte. Ltd.  
15 International Business Park  
TÜV SÜD @ IBP  
Singapore 609937  
**TUV**

**Test Report No.VNT/F25/0919200**  
**Dated 15/09/2025**  
**Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F25/0919200**  
**Ngày 15/09/2025**



**TEST RESULTS/ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:**

| No.<br>STT | Specification<br>Chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                         | Unit<br>Đơn vị | Method<br>Phương pháp          | Result<br>Kết quả          | Detection<br>Limit<br>Giới hạn<br>phát hiện | Permissible<br>Limit<br>Giới hạn<br>cho phép (*) |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1.         | Cadmium content<br>Hàm lượng Cadmi                                                                                                                                                                                                | µg/g           | Ref. QCVN<br>12-1:2011/BYT (*) | Less than 10<br>Nhỏ hơn 10 | 10                                          | ≤ 100                                            |
| 2.         | Lead content<br>Hàm lượng Chì                                                                                                                                                                                                     | µg/g           | Ref. QCVN<br>12-1:2011/BYT (*) | Less than 10<br>Nhỏ hơn 10 | 10                                          | ≤ 100                                            |
| 3.         | Heavy metal as Lead<br>(Simulant Used: 4% Acetic acid solution;<br>Test Condition: 30 mins at 60°C)<br>Hàm lượng kim loại nặng quy ra chì<br>(Dung dịch ngâm: Axit axetic 4%;<br>Điều kiện ngâm: 60°C trong 30 phút)              | µg/mL          | QCVN<br>12-1:2011/BYT          | Less than 1<br>Nhỏ hơn 1   | 1                                           | ≤ 1                                              |
| 4.         | Consumption of Potassium<br>Permanganate (KMnO <sub>4</sub> )<br>(Simulant Used: Water;<br>Test Condition: 30 mins at 60°C)<br>Hàm lượng Kali pemanganat sử dụng<br>(Dung dịch ngâm: Nước;<br>Điều kiện ngâm: 60°C trong 30 phút) | µg/mL          | QCVN<br>12-1:2011/BYT          | 3.67                       | -                                           | ≤ 10                                             |

**Note/ Ghi chú:**

(\*) Reference to the National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin Implement, container and packaging in direct contact with foods (QCVN 12-1:2011/BYT)/Tham khảo các quy định của quy chuẩn Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (QCVN 12-1:2011/BYT).

Checked By

**Hoang Thi Hai Yen**  
Operation Manager

Authorized By



**Nguyen Thi Chan**  
FHB Manager

**Test Report No.VNT/F25/0919200**  
**Dated 15/09/2025**  
**Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F25/0919200**  
**Ngày 15/09/2025**



Please note that this Report is issued under the following terms :

1. This report applies to the sample of the specific product/equipment given at the time of its testing. The results are not used to indicate or imply that they are applicable to other similar items. In addition, such results must not be used to indicate or imply that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. approves, recommends or endorses the manufacturer, supplier or user of such product/equipment, or that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. in any way "guarantees" the later performance of the product/equipment. Unless otherwise stated in this report, no tests were conducted to determine long term effects of using the specific product/equipment.
2. The sample/s mentioned in this report is/are submitted/supplied/manufactured by the Client. TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. therefore assumes no responsibility for the accuracy of information on the brand name, model number, origin of manufacture, consignment or any information supplied.
3. Nothing in this report shall be interpreted to mean that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. has verified or ascertained any endorsement or marks from any other testing authority or bodies that may be found on that sample.
4. This report shall not be reproduced wholly or in parts and no reference shall be made by the Client to TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. or to the report or results furnished by TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. in any advertisements or sales promotion.
5. Unless otherwise stated, the tests were carried out in TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd., Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group III, Tan Binh I.P, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
6. The tests carried out by TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. and this report is subject to TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd.'s General Terms and Conditions of Business and the Testing and Certification, Validation and Verification Regulations of the TÜV SÜD Group.

Effective 03 July 2025

**Xin lưu ý rằng Báo cáo này được phát hành theo các điều khoản sau:**

1. Báo cáo này áp dụng cho mẫu sản phẩm/thiết bị cụ thể được cung cấp tại thời điểm thử nghiệm. Các kết quả không được sử dụng để biểu thị hoặc ngụ ý rằng chúng có thể áp dụng cho các mặt hàng tương tự khác. Ngoài ra, không được sử dụng các kết quả đó để chỉ ra hoặc ngụ ý rằng Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam phê duyệt, khuyến nghị hoặc xác nhận nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc người sử dụng sản phẩm/thiết bị đó hoặc Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào "đảm bảo" hiệu suất sau này của sản phẩm/thiết bị. Trừ khi có quy định khác trong báo cáo này, không có thử nghiệm nào được tiến hành để xác định tác động lâu dài của việc sử dụng sản phẩm/thiết bị cụ thể.
2. (Các) mẫu được đề cập trong báo cáo này là/được gửi/cung cấp/sản xuất bởi Khách hàng. Do đó, Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam không chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về tên thương hiệu, số model, nguồn gốc sản xuất, lô hàng hoặc bất kỳ thông tin nào được cung cấp.
3. Không nội dung nào trong báo cáo này được hiểu là Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam đã xác minh hoặc xác nhận bất kỳ chứng thực hoặc dấu hiệu nào từ bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức kiểm định nào khác có thể tìm thấy trên mẫu đó.
4. Báo cáo này sẽ không được sao chép toàn bộ hoặc từng phần và Khách hàng sẽ không tham chiếu đến Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam hoặc báo cáo hoặc kết quả do Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam cung cấp trong bất kỳ quảng cáo hoặc khuyến mại nào.
5. Trừ khi có quy định khác, các thử nghiệm được thực hiện tại Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam, Lô III-26, Đường 19/5A, Cụm Công nghiệp III, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
6. Các thử nghiệm do Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam thực hiện và báo cáo này tuân theo Điều khoản và Điều kiện Kinh doanh chung của Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam cũng như Quy định Chứng nhận và Thử nghiệm, Xác minh và Xác nhận của Tập đoàn TÜV SÜD.

Hiệu lực từ ngày 03 tháng 07 năm 2025.

-- END OF TEST REPORT/ KẾT THÚC BÁO CÁO THỬ NGHIỆM --



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã kết quả: CV20255950-RV2 - Trang 1/2

(\* Kết quả CV20255950-RV2 xuất ngày 15/09/2025 thay thế cho kết quả CV20255950-RV1, bản kết quả cũ sẽ bị hủy)

### DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN V.K

179 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên mẫu : TÚI CHIẾT RƯỢU VANG HIỆU  
SMURFIT WESTROCK  
Mã đơn hàng : TP10132025060209  
Mã số mẫu : 2025005950  
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm  
Ngày nhận mẫu : 10/06/2025  
Thời gian thử nghiệm : 10/06/2025 - 18/06/2025  
Ngày trả kết quả khách hàng : 18/06/2025

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                               | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ    | KẾT QUẢ                     |
|-----|---------------------------------------------------|--------|--------------------|-----------------------------|
| 1   | Cặn khô (acid acetic 4% 60°C, 30 phút) (a)        | µg/ml  | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=5)     |
| 2   | Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút) (a)          | µg/ml  | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=5)     |
| 3   | Cặn khô (Heptane, 25°C, 60 phút) (a)              | µg/ml  | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=5)     |
| 4   | Cặn khô (nước, 60°C, 30 phút) (a)                 | µg/ml  | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=5)     |
| 5   | Kim loại nặng (acid acetic 4%, 60°C, 30 phút) (a) | µg/ml  | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=0.4)   |
| 6   | Lượng KMnO4 sử dụng (Nước, 60°C, 30 phút) (a)     | µg/ml  | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=1)     |
| 7   | Cadimi (Cd) (a)                                   | µg/g   | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=0.008) |
| 8   | Chì (Pb) (a)                                      | µg/g   | QCVN 12-1:2011/BYT | Không phát hiện (LOD=0.08)  |

Ghi chú:

LOD: giới hạn phát hiện của phương pháp



EDC PR



VLAT-1.0359  
ISO/IEC 17025:2017

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã kết quả: CV20255950-RV2 - Trang 2/2

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT

MSc. NGUYỄN HUỖNH TUẤN ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



MBA. VÕ TRƯỞNG DUY

**Ghi chú và giải thích:**

- Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
- Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.

(a): Các phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017

